

Cao Bằng, ngày 08 tháng 8 năm 2022

ĐIỂM THI

Lớp: Trung cấp lý luận chính trị khóa 05 (Bảo Lâm)

Môn: Phần D.II - Kỹ năng lãnh đạo, quản lý

Ngày thi: 24/7/2022

STT	Họ và tên	Điểm		STT	Họ và tên	Điểm	
		Số	Bằng chữ			Số	Bằng chữ
1	Bàn Thị Vân Anh	7,25	Bảy phẩy hai năm	42	Lương Hà Lý	7,75	Bảy phẩy bảy năm
2	Hoàng Ngọc Anh	8,25	Tám phẩy hai năm	43	Nguyễn Ngọc Mẫn	8,00	Tám
3	Nguyễn Thị Quỳnh Anh	7,25	Bảy phẩy hai năm	44	Mạc Văn Minh	7,50	Bảy phẩy năm
4	Nông Văn Cường	6,25	Sáu phẩy hai năm	45	Nông Văn Minh	6,75	Sáu phẩy bảy năm
5	Hoàng Cao Cường		Hoãn thi	46	Nông Văn Mộc	7,25	Bảy phẩy hai năm
6	Nguyễn Đức Chinh	7,50	Bảy phẩy năm	47	Lâu Thị My	6,75	Sáu phẩy bảy năm
7	Nông Văn Dũng	6,00	Sáu	48	Hoa Thị Nga	8,00	Tám
8	Quan Thị Dung	6,00	Sáu	49	Hoàng Thị Ngân	7,75	Bảy phẩy bảy năm
9	Phương Đình Duy	7,00	Bảy	50	Nguyễn Hoàng Ngoan	8,00	Tám
10	Lý Văn Dinh	5,50	Năm phẩy năm	51	Liên Thị Nguyên	6,50	Sáu phẩy năm
11	Hà Thị Duyên	8,00	Tám	52	Mã Văn Nhâm	7,75	Bảy phẩy bảy năm
12	Hoàng Thị Duyên	7,50	Bảy phẩy năm	53	Bé Thị Nhung	8,00	Tám
13	Lãnh Thị Duyên	7,50	Bảy phẩy năm	54	Sầm Thị Phiên	8,00	Tám
14	Lục Văn Đức	6,25	Sáu phẩy hai năm	55	Hà Văn Phong	7,50	Bảy phẩy năm
15	Mông Thị Diệp	7,00	Bảy	56	Đặng Văn Quân	8,00	Tám
16	Dương Thị Diệp	7,25	Bảy phẩy hai năm	57	Trần Hùng Quang	8,25	Tám phẩy hai năm
17	Dương Văn Định	6,75	Sáu phẩy bảy năm	58	Âu Hoàng Quốc		Hoãn thi
18	Nguyễn Thị Thu Hà	8,00	Tám	59	Nông Thị Sản	8,00	Tám
19	Phan Thị Hạnh	6,75	Sáu phẩy bảy năm	60	Vương Văn Sinh		Không đủ đk thi
20	Trịnh Thị Hạnh	7,00	Bảy	61	Vi Văn Sơn	7,25	Bảy phẩy hai năm
21	Lã Xuân Hải	8,00	Tám	62	Phùng Văn Tập		Chuyển lớp
22	Nông Thị Hậu	8,00	Tám	63	Anh Thị Thanh	7,50	Bảy phẩy năm
23	Ma Xuân Hòa	6,00	Sáu	64	Mạc Văn Thánh	6,50	Sáu phẩy năm
24	Tô Thị Thu Hoài	7,25	Bảy phẩy hai năm	65	Hoàng Văn Thành	6,50	Sáu phẩy năm
25	Ma Thị Hoàn	7,75	Bảy phẩy bảy năm	66	Nguyễn Thị Phương Thảo	7,00	Bảy

ĐHL

STT	Họ và tên	Điểm		STT	Họ và tên	Điểm	
		Số	Bảng chữ			Số	Bảng chữ
26	Hà Thị Bích Hồng	8,00	Tám	67	Nông Thị Thảo	8,00	Tám
27	Mạc Văn Huân	7,00	Bảy	68	Hoàng Thị Thời	8,00	Tám
28	Nông Thị Huệ	7,00	Bảy	69	Lữ Thị Thu	7,75	Bảy phẩy bảy năm
29	Mã Thị Huệ	7,50	Bảy phẩy năm	70	Mạc Thị Thu	7,75	Bảy phẩy bảy năm
30	Nguyễn Như Hùng	8,00	Tám	71	Lữ Thu Thủy	7,25	Bảy phẩy hai năm
31	Hoa Mạnh Hưng	7,50	Bảy phẩy năm	72	Hoàng Lệ Thủy	8,25	Tám phẩy hai năm
32	Nông Thị Hương	7,00	Bảy	73	Lãnh Thị Phương Trang	8,00	Tám
33	Chu Thị Thanh Huyền	7,00	Bảy	74	Triệu Thị Trang	7,00	Bảy
34	Ngô Văn Khánh	8,00	Tám	75	Lãnh Thị Trọng	7,75	Bảy phẩy bảy năm
35	Phạm Thị Khuyên	8,00	Tám	76	Mã Thị Tú	8,00	Tám
36	Nông Ngọc Kiên	7,50	Bảy phẩy năm	77	Hoàng Huy Tuyên	7,25	Bảy phẩy hai năm
37	Lương Thị Ngọc Lan	7,75	Bảy phẩy bảy năm	78	Nông Văn Tuyên	8,00	Tám
38	Hà Thị Lan	8,00	Tám	79	Phương Ánh Tuyết	7,00	Bảy
39	Nông Thị Lành	7,00	Bảy	80	Mạc Thị Vê	7,75	Bảy phẩy bảy năm
40	Triệu Thị Liên	7,75	Bảy phẩy bảy năm	81	Nông Thị Chuyên (K4)	8,00	Tám
41	Dương Văn Lợi	7,50	Bảy phẩy năm				

Điểm 5,50: 01 điểm; Điểm 6,00: 03 điểm; Điểm 6,25: 02 điểm; Điểm 6,50: 03 điểm; Điểm 6,75: 04 điểm; Điểm 7,00: 11 điểm; Điểm 7,25: 08 điểm; Điểm 7,50: 10 điểm; Điểm 7,75: 10 điểm; Điểm 8,00: 22 điểm; Điểm 8,25: 03 điểm./.

GHI ĐIỂM

**PHÒNG QUẢN LÝ ĐÀO TẠO VÀ NCKH
TRƯỞNG PHÒNG**

HIỆU TƯỢNG

Dhluw

VanThuy



Đoàn Thị Kim Liên

Đoàn Thị Vân Thúy

Trịnh Thị Ánh Hoa